

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST
Ngày 24-11-2022
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tấn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Phi Long

2. Ông Trần Văn Nước

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Lâm – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải tham gia phiên tòa: Ông Trương Thanh Hà, Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 11 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2022/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1994 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã H, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh

Bị đơn: Ông Trần Thanh S, sinh năm 1984 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã H, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 11 năm 2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đã trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Bà và ông Trần Thanh S tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND xã Hiệp Thạnh. Sau khi kết hôn bà và ông S chung sống đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ công việc của gia đình và quan điểm sống. Từ đó bà và ông S sống ly thân đến nay. Hiện tại, bà không còn tình cảm gì với ông S. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Thanh S.

- Về con: Bà và ông Trần Thanh S có con chung tên Trần Thị Thu Thảo, sinh ngày 07/4/2010 và Trần Thị Thảo V, sinh ngày 12/3/2017. Bà đồng ý cho ông Trần Thanh S được quyền trực tiếp nuôi hai con

- Về tài sản và nợ chung: Bà và ông S không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 02/11/2022, bị đơn ông Trần Thanh S trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Ông và vợ là bà Nguyễn Thị T trong thời gian chung sống có xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng ông đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Nếu vợ ông yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

- Về con: Ông và bà Nguyễn Thị T có con chung tên Trần Thị Thu Thảo, sinh ngày 07/4/2010 và Trần Thị Thảo V, sinh ngày 12/3/2017. Các con hiện đang sống với ông. Nay vợ chồng ly hôn thì ông đồng ý nuôi con, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Ông và bà T không có nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07/11/2022, cháu Trần Thị Thu Thảo trình bày ý kiến cháu có nguyện vọng được sống với cha là ông Trần Thanh S.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử: Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử có mặt tại Tòa đã thực hiện đúng các thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T.

+ Về con chung: Kiểm sát viên đề nghị giao con chung là Trần Thị Thu Thảo, sinh ngày 07/4/2010 và Trần Thị Thảo V, sinh ngày 12/3/2017 cho ông Trần Thanh S nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Ông S không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét.

+ Về tài sản chung: Bà T và ông S không có yêu cầu chia tài sản chung nên đề nghị không xem xét.

+ Về nợ chung: Bà T và ông S khai không có nợ chung nên đề nghị không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Về kiến nghị khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Trần Thanh S và yêu cầu giải quyết việc nuôi con giữa bà T và ông S. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Trần Thanh S có hộ khẩu thường trú tại Ấp C, xã H, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Trần Thanh S là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét căn cứ quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Thanh S.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Thanh S tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 02/02/2012 tại UBND xã Hiệp Thạnh theo đúng quy định pháp luật. Vì vậy, hôn nhân của bà T và ông S

là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo bà T trong thời gian chung sống, giữa bà và ông S có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong công việc và cuộc sống. Kết quả xác minh của Tòa án thể hiện không rõ là giữa bà T và ông S có mâu thuẫn gì nhưng thực tế là ông S và bà T đã ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổ chức hòa giải tạo điều kiện để bà T và ông S đoàn tụ tiếp tục chung sống nhưng bà T vẫn cương quyết ly hôn ông S. Còn ông S không đến Tòa án dự phiên họp hòa giải. Tại phiên toà, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng vợ chồng muốn được hạnh phúc là phải cùng yêu thương nhau, cùng chung sống và cùng mong muốn xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, bà T một mực cương quyết yêu cầu ly hôn ông S vì cho rằng không còn tình cảm với ông S và không muốn tiếp tục chung sống với ông S. Điều này cho thấy khả năng để bà T và ông S đoàn tụ để chung sống là rất khó thực hiện được. Bà T và ông S hiện tại đang sống ly thân. Từ đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T như đề nghị của vị Kiểm sát viên.

[5] Về nuôi con: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Thanh S có con chung là Trần Thị Thu Thảo, sinh ngày 07/4/2010 và Trần Thị Thảo V, sinh ngày 12/3/2017. Sau khi xem hết các điều kiện nuôi con của ông S và ý kiến của bà T, Hội đồng xét xử thấy giao cháu Trần Thị Thu Thảo và Trần Thị Thảo V cho ông Trần Thanh S tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục là đúng quy định pháp luật, phù hợp nguyện vọng của cháu Trần Thị Thu Thảo, đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các con.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trần Thanh S là người được giao nuôi con chung nhưng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung: Bà T và ông S không có yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét giải quyết.

[8] Về nợ: Bà T và ông S khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Bà T không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí hoặc không phải nộp án phí. Vì vậy, bà T là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Vĩnh hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T. Bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Trần Thanh S.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Thu Thảo, sinh ngày 07/4/2010 và Trần Thị Thảo V, sinh ngày 12/3/2017 cho ông Trần Thanh S tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng và giáo dục.

Không ai được quyền cản trở ông Trần Thanh S trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thị Thu Thảo và Trần Thị Thảo V, cũng như cản trở bà Nguyễn Thị T thăm nom con chung.

Vì lợi ích của cháu Trần Thị Thu Thảo và Trần Thị Thảo V, khi cần thiết và có yêu cầu của bà Nguyễn Thị T hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án sẽ xem xét giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Nếu bà Nguyễn Thị T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì ông Trần Thanh S có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom con của bà Nguyễn Thị T theo quy định pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Thanh S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, ông Trần Thanh S có quyền yêu cầu bà Nguyễn Thị T cấp dưỡng nuôi cháu Trần Thị Thu Thảo và Trần Thị Thảo V theo quy định pháp luật.

4. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Thanh S không có yêu cầu chia tài sản chung nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, nếu bà Nguyễn Thị T và ông Trần Thanh S có tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng có được trong thời kỳ hôn nhân thì bà T hoặc ông S có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

5. Về nợ: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Thanh S khai không có nợ chung nên không xem xét.

6. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị T chịu án dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0009900 ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải. Như vậy, bà Nguyễn Thị T đã nộp xong án phí. Ông Trần Thanh S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

7. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Trần Thanh S vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. Duyên Hải;
- Chi cục THADS TX. Duyên Hải;
- UBND xã Hiệp Thạnh;
- Dương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án. (9 bản)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Tấn Thanh